

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 85/2026/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế Quản lý, vận hành, khai thác và
sử dụng Hệ thống Camera giám sát tỉnh Thái Nguyên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 61/2026/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân;

Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 155/TTr-SKHCN ngày 15 tháng 6 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định ban hành Quy chế Quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống Camera giám sát tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống Camera giám sát tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Loan

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Quản lý, vận hành, khai thác và
sử dụng Hệ thống Camera giám sát tỉnh Thái Nguyên**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 85/2026/QĐ-UBND
ngày 02/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống Camera giám sát trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.
2. Quy chế này không áp dụng đối với việc chia sẻ dữ liệu chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật Nhà nước được quy định tại Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước. Việc chia sẻ dữ liệu chứa thông tin bí mật Nhà nước được thực hiện theo quy định hiện hành.
3. Việc quản lý, lắp đặt, vận hành, tích hợp, khai thác và bảo dưỡng các hệ thống Camera nghiệp vụ của Công an tỉnh không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế và được quy định cụ thể theo Quy chế riêng do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.
4. Các hệ thống Camera giám sát nội bộ của người dân, các tổ chức, doanh nghiệp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh (sau đây viết là cơ quan, đơn vị, địa phương); các doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến các hệ thống Camera giám sát trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Camera giám sát: Là thiết bị ghi hình chuyên dụng được lắp đặt cố định hoặc di động tại một vị trí cụ thể để thu nhận, truyền tải hình ảnh và video thời gian thực phục vụ mục đích quan sát, giám sát.
2. Hệ thống camera giám sát dùng riêng: Là tập hợp các thiết bị camera, đầu ghi, hạ tầng truyền dẫn, phần mềm quản lý và các thiết bị phụ trợ do các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp đầu tư hoặc được giao quản lý để phục vụ mục đích nghiệp vụ cụ thể của đơn vị đó.

3. Hệ thống camera giám sát tập trung của tỉnh: Là nền tảng hạ tầng kỹ thuật dùng chung của tỉnh (bao gồm máy chủ, thiết bị lưu trữ, phần mềm quản lý tập trung và các công cụ phân tích dữ liệu thông minh) đặt tại Trung tâm dữ liệu tỉnh. Hệ thống này đóng vai trò là đầu mối tích hợp, lưu trữ dữ liệu dùng chung và phân phối quyền truy cập cho các cơ quan, đơn vị theo phân cấp.

4. Đơn vị vận hành hệ thống camera giám sát dùng riêng: Là cơ quan, đơn vị, địa phương chủ quản hoặc được giao vận hành trực tiếp các camera và hạ tầng kỹ thuật tại hiện trường; chịu trách nhiệm về tính sẵn sàng, bảo trì thiết bị vật lý và bảo mật tại điểm lắp đặt.

5. Đơn vị vận hành hệ thống camera giám sát tập trung: Là cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ quản trị hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo an toàn thông tin và điều phối việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trên toàn hệ thống tập trung của tỉnh.

6. Tích hợp dữ liệu camera: Là quá trình kết nối kỹ thuật, chuẩn hóa các giao thức truyền tin và đồng bộ hóa luồng hình ảnh từ các Hệ thống dùng riêng về Hệ thống tập trung của tỉnh để quản lý thống nhất.

7. Khai thác, sử dụng dữ liệu: Là việc các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân được cấp quyền truy cập vào Hệ thống tập trung để xem trực tiếp, tra cứu nhật ký hình ảnh, trích xuất dữ liệu hoặc sử dụng các tính năng phân tích thông minh phục vụ thực thi công vụ.

8. Chia sẻ dữ liệu: Là việc cung cấp, trích xuất dữ liệu hình ảnh từ Hệ thống tập trung cho các cơ quan, đơn vị khác hoặc tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và phê duyệt của cấp có thẩm quyền thông qua các giải pháp kỹ thuật phù hợp.

9. Dữ liệu hình ảnh camera: Là các thông tin dưới dạng hình ảnh, video được thu nhận, lưu trữ và xử lý trong hệ thống camera; bao gồm cả các dữ liệu có khả năng định danh cá nhân (khuôn mặt, biển số xe, đặc điểm sinh trắc học) được bảo vệ theo quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

10. Hệ thống camera giám sát nội bộ: Là hệ thống camera do các cá nhân, hộ gia đình, tổ chức hoặc doanh nghiệp tự đầu tư, lắp đặt và quản lý trong phạm vi khuôn viên, trụ sở hoặc khu vực thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của mình nhằm mục đích bảo vệ tài sản và an ninh nội bộ; không phục vụ trực tiếp cho hoạt động quản lý nhà nước của tỉnh và không thuộc phạm vi điều chỉnh bắt buộc của Quy chế này (trừ trường hợp tự nguyện kết nối, chia sẻ).

11. Dữ liệu phân tích hình ảnh (Metadata): Là cấu phần dữ liệu số được trích xuất tự động sau quá trình xử lý hình ảnh tại biên hoặc tại trung tâm, bao gồm các thông tin thuộc tính dạng văn bản, ký tự mô tả đối tượng giám sát (như biển số xe, chủng loại phương tiện, màu sắc, đặc điểm nhận dạng khuôn mặt).

12. Dữ liệu sự kiện (Event): Là gói thông tin dữ liệu được hệ thống tự động khởi tạo và phát tín hiệu cảnh báo theo thời gian thực khi đối tượng giám sát kích hoạt các quy tắc thiết lập sẵn (như vi phạm vạch kẻ đường, vượt đèn đỏ, xâm nhập vùng cấm, phát hiện đám cháy).

13. Xử lý tại biên (Edge Computing): Là kiến trúc xử lý kỹ thuật số trực tiếp tại hiện trường thông qua các camera tích hợp vi xử lý trí tuệ nhân tạo (Edge AI) hoặc thiết bị phụ trợ trung gian (AI Box/Edge Gateway) nhằm chuẩn hóa dữ liệu đầu cuối trước khi truyền tải

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, vận hành, khai thác và các hành vi bị nghiêm cấm

1. Dữ liệu hình thành trong hoạt động của hệ thống camera giám sát được đầu tư, quản lý, sử dụng và khai thác bởi cơ quan Nhà nước là tài sản của Nhà nước, được bảo vệ, chia sẻ và khai thác nhằm phục vụ công tác giám sát, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, trật tự đô thị và quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực của cơ quan Nhà nước, hướng tới phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

2. Dữ liệu từ hệ thống camera giám sát phải được kết nối, tích hợp, đồng bộ, thống nhất và đảm bảo chia sẻ cho các đơn vị có nhu cầu khai thác; dữ liệu này được quản lý trong hệ thống camera giám sát tập trung và có phương án sao lưu dự phòng phục vụ công tác quản lý Nhà nước, công tác giám sát an toàn, an ninh.

3. Việc chia sẻ, sử dụng dữ liệu hệ thống camera giám sát phải đảm bảo tính kịp thời, chính xác, khách quan, minh bạch, đúng mục đích, đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị. Đồng thời phải bảo mật thông tin, dữ liệu và tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và các quy định tại Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị.

4. Các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý, vận hành và khai thác hệ thống

a) Cản trở kết nối và khai thác hợp pháp: Gây khó khăn hoặc ngăn cản hoạt động kết nối, quyền khai thác và sử dụng dữ liệu hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định.

b) Mua bán, chia sẻ dữ liệu trái phép: Mua bán, chuyển giao hoặc chia sẻ dữ liệu hình ảnh vi phạm các quy định tại Quy chế này và pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

c) Vi phạm quyền riêng tư: Xâm phạm quyền riêng tư, bí mật cá nhân trong quá trình lắp đặt thiết bị, kết nối hoặc chia sẻ dữ liệu từ các hệ thống camera.

d) Phá hoại hạ tầng và gián đoạn hệ thống: Phá hoại cơ sở hạ tầng thông tin; thực hiện các hành vi làm gián đoạn, đình trệ việc kết nối, chia sẻ và vận hành Hệ thống camera giám sát tập trung của tỉnh.

e) Sử dụng sai mục đích: Khai thác, sử dụng dữ liệu từ hệ thống vào mục đích cá nhân, thương mại hoặc các mục đích khác khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép bằng văn bản.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 5. Quan điểm đầu tư

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có nhu cầu đầu tư hệ thống camera giám sát riêng lẻ phải đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu tập trung về hệ thống camera giám sát tập trung.

2. Đảm bảo đầu tư không trùng lắp, việc đầu tư mới cần phải đảm bảo tính kế thừa hiện trạng hiện có.

Điều 6. Lưu trữ dữ liệu và quản lý, truy cập hệ thống camera giám sát tập trung

1. Dữ liệu từ hệ thống camera được lưu trữ tập trung tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh hoặc lưu trữ phân tán tại hệ thống chuyên ngành, địa phương. Trường hợp lưu trữ tại địa phương, đơn vị chủ quản phải đảm bảo các điều kiện kỹ thuật để kết nối, chia sẻ luồng dữ liệu về hệ thống tập trung của tỉnh theo thời gian thực.

2. Đơn vị vận hành hệ thống camera giám sát tập trung được cấp quyền quản trị kỹ thuật cao nhất để thiết lập thông số, quản lý tài khoản, cấu hình kết nối, giám sát trạng thái thiết bị và đảm bảo an toàn thông tin toàn hệ thống. Đơn vị vận hành hệ thống tập trung chỉ thực hiện việc truy cập, trích xuất dữ liệu hình ảnh từ các hệ thống dùng riêng của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong các trường hợp: Phục vụ công tác chỉ huy, điều hành khẩn cấp của lãnh đạo tỉnh; Thực hiện các thao tác kỹ thuật bắt buộc để xử lý sự cố kết nối; Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được phân quyền truy cập, giám sát và xử lý hình ảnh đối với các camera lắp đặt do đơn vị quản lý.

4. Các trung tâm điều hành chuyên ngành (Giao thông, Y tế, Giáo dục...) được phân quyền truy cập tương ứng với lĩnh vực quản lý cụ thể theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Người đứng đầu các đơn vị được phân quyền truy cập có trách nhiệm ban hành quy chế nội bộ về quản lý tài khoản, bảo mật mật khẩu và lưu vết (log) nhật ký truy cập của cán bộ thuộc quyền quản lý, đảm bảo không để xảy ra tình trạng lộ lọt hình ảnh, dữ liệu ra bên ngoài.

Điều 7. Mô hình kiến trúc và cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Hệ thống camera giám sát tích hợp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được xây dựng theo Mô hình hệ thống mạng phân tán (DNA - Distributed Network Architecture), cho phép xử lý, lưu trữ, truyền dẫn và quản lý phân tán theo từng phân hệ địa bàn, không phụ thuộc vào một máy chủ trung tâm duy nhất, đồng thời bảo đảm duy trì khả năng quản lý tập trung hoàn toàn tại trung tâm camera giám sát các cấp.

2. Cơ chế kết nối luồng dữ liệu hiện trường được quy định cụ thể như sau:

a) Dữ liệu hình ảnh video trực tiếp từ thiết bị camera đầu cuối tại hiện trường ưu tiên lưu trữ cục bộ/phân tán và chỉ thực hiện truyền tải về trung tâm khi phát sinh dữ liệu sự kiện (Event) hoặc khi có yêu cầu trích xuất nghiệp vụ cụ thể nhằm tối ưu hóa băng thông đường truyền và hạ tầng lưu trữ.

b) Hệ thống camera giám sát dùng riêng của các sở, ban, ngành được tích hợp, quản lý tập trung tại Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) cấp tỉnh thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP).

c) Hệ thống camera giám sát an ninh, trật tự, xử lý vi phạm do lực lượng Công an đầu tư và các hệ thống camera xã hội hóa được tập trung quản lý tại Trung tâm camera giám sát Công an cấp tỉnh (Trung tâm thông tin chỉ huy Công an tỉnh) và Trung tâm camera giám sát Công an cấp xã.

3. Cơ chế chia sẻ dữ liệu liên thông phục vụ điều hành: Trung tâm thông tin chỉ huy Công an tỉnh có trách nhiệm chủ trì kết nối, chia sẻ luồng dữ liệu camera giám sát thu thập công khai, dữ liệu phân tích hình ảnh (Metadata) và dữ liệu sự kiện (Event) không thuộc phạm vi bí mật nhà nước, bí mật công tác cho Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh để thực hiện các chức năng đô thị thông minh. Ngược lại, Trung tâm IOC tỉnh thực hiện chia sẻ toàn bộ dữ liệu camera thuộc phạm vi quản lý về Trung tâm thông tin chỉ huy Công an tỉnh phục vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự.

Điều 8. Quy định về cung cấp, cập nhật dữ liệu đối với hệ thống camera giám sát tập trung

1. Đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát dùng riêng có trách nhiệm tạo lập, duy trì, cập nhật dữ liệu liên quan đến hệ thống cho hệ thống camera giám sát tập trung trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi có sự thay đổi hoặc sau khi triển khai lắp đặt mới thiết bị camera; cung cấp các thông tin, tài liệu kỹ thuật cần thiết phục vụ tích hợp, chia sẻ dữ liệu vào hệ thống camera giám sát tập trung.

2. Việc tích hợp, kết nối, chia sẻ, sử dụng, khai thác dữ liệu hình ảnh hệ thống camera giám sát tập trung được thực hiện thông qua các dịch vụ truy cập trực tuyến, di động, các giao diện lập trình ứng dụng, các công cụ phát triển phần mềm và các phương thức, giải pháp kỹ thuật khai thác dữ liệu khác.

3. Đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát dùng riêng có trách nhiệm phối hợp với đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát tập trung và các cơ quan liên quan để kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu hình ảnh, quyền điều khiển hệ thống cho hệ thống camera giám sát tập trung.

4. Dữ liệu hình ảnh video giám sát, dữ liệu phân tích hình ảnh (Metadata) và dữ liệu sự kiện (Event) khi tạo lập, tích hợp, kết nối và chia sẻ về Hệ thống camera giám sát tập trung của tỉnh bắt buộc phải được chuẩn hóa cấu trúc dữ liệu; bảo đảm tuân thủ nghiêm ngặt các quy định tại Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Tờ diễn dữ liệu dùng chung (Phiên bản 1.0) nhằm bảo đảm tính liên thông, đồng bộ và khả năng tích hợp chia sẻ với các hệ thống dữ liệu chuyên ngành cấp quốc gia.

Điều 9. Quy định về khai thác hệ thống camera giám sát tập trung và cơ chế trích xuất dữ liệu

1. Các cơ quan Nhà nước được khai thác sử dụng thông tin thuộc hệ thống camera giám sát tập trung phục vụ cho mục tiêu quản lý và điều hành trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của cơ quan mình, nâng cao hiệu suất nghiệp vụ chuyên ngành và phục vụ lãnh đạo cơ quan ra chính sách, quyết định thông qua thống kê, phân tích, đánh giá, dự báo. Việc khai thác dữ liệu dùng chung ngoài phạm vi phân quyền quản lý phải được cơ quan quản lý hệ thống camera giám sát tập trung xem xét, trình UBND tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định.

2. Cơ chế trích xuất dữ liệu nhanh phục vụ xử lý tình huống khẩn cấp tại cơ sở

a) Trong các tình huống khẩn cấp liên quan đến vi phạm trật tự đô thị, đổ rác thải trái phép, an ninh trật tự hoặc các hành vi vi phạm hành chính đang diễn ra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường (hoặc người được ủy quyền bằng văn bản) được quyền chỉ đạo trích xuất nhanh dữ liệu hình ảnh từ các camera do đơn vị trực tiếp quản lý hoặc được phân quyền truy cập để xử lý kịp thời mà không cần phê duyệt bằng văn bản của cấp trên.

b) Việc trích xuất nhanh phải được thực hiện song song với cơ chế tự động ghi nhật ký hệ thống không thể sửa xóa (Audit Trail), bao gồm thông tin bắt buộc về: Tài khoản người thực hiện, thời gian, lý do và mục đích trích xuất. Trong vòng 24 giờ làm việc kể từ thời điểm trích xuất, đơn vị có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ lưu trữ nội bộ (điện tử hoặc văn bản giấy) để phục vụ công tác hậu kiểm.

c) Thiết bị lưu trữ dữ liệu sau khi trích xuất nhanh phải là thiết bị chuyên dụng thuộc sở hữu của cơ quan nhà nước; nghiêm cấm việc sao chép, lưu trữ dữ liệu thô vào thiết bị công nghệ cá nhân của cán bộ, công chức.

d) Dữ liệu trích xuất nhanh chỉ được sử dụng làm căn cứ xác minh, xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền; nghiêm cấm việc phát tán hình ảnh lên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc mạng xã hội khi chưa có kết luận chính thức bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

3. Các cơ quan Nhà nước trên một số lĩnh vực (giao thông vận tải, y tế, giáo dục và đào tạo, tài nguyên và môi trường, khu công nghiệp, an ninh trật tự, quản lý đô thị...) được cung cấp dữ liệu khai thác từ hệ thống camera giám sát tập trung và dữ liệu từ hệ thống camera giám sát dùng riêng do đơn vị trực tiếp quản lý để cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp theo quy định.

4. Mọi hành vi lạm dụng quyền trích xuất nhanh để xâm phạm đời tư cá nhân, đánh cắp dữ liệu, lợi dụng tài khoản định danh để tiếp cận thông tin sai mục đích công vụ hoặc vi phạm quy định tại Quy chế này phải được báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân tỉnh bằng văn bản thông qua đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát tập trung và sẽ bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

5. Việc quản lý khai thác, tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu từ hệ thống camera giám sát tập trung phải đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 10. Quy định về đảm bảo an toàn thông tin cho hệ thống camera giám sát và hệ thống camera giám sát tập trung

1. Các đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát và hệ thống camera giám sát tập trung có trách nhiệm phân công nhân sự phụ trách quản trị hệ thống của đơn vị mình; quản lý, lưu trữ bảo mật và thường xuyên thay đổi mật khẩu tài khoản quản trị. Việc cấp, quản lý tài khoản truy cập vào các hệ thống camera giám sát và hệ thống camera giám sát tập trung thuộc quản lý của đơn vị phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và phân quyền của từng đối tượng sử dụng.

2. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị và các cá nhân được cấp tài khoản truy cập vào hệ thống camera giám sát và hệ thống camera giám sát tập trung có trách nhiệm quản lý tài khoản được cấp, thường xuyên thay đổi mật khẩu truy cập và áp dụng các biện pháp phù hợp để phòng, chống các hành vi truy cập, xâm nhập và khai thác trái phép vào hệ thống camera giám sát và hệ thống camera giám sát tập trung.

3. Việc kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu từ hệ thống camera giám sát và hệ thống camera giám sát tập trung được thực hiện thông qua mạng viễn thông dùng riêng, mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh hoặc sử dụng các dịch vụ của mạng đô thị băng rộng do doanh nghiệp viễn thông cung cấp.

4. Các hoạt động thay đổi về dữ liệu, quá trình đăng nhập hệ thống phải được ghi nhận vào nhật ký của hệ thống camera giám sát và hệ thống camera giám sát tập trung.

Điều 11. Bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu sinh trắc học và an toàn hệ thống camera giám sát

1. Dữ liệu hình ảnh thu nhận từ hệ thống camera giám sát có chứa thông tin định danh, dữ liệu sinh trắc học khuôn mặt là dữ liệu cá nhân nhạy cảm, được phân loại và quản lý nghiêm ngặt theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Hệ thống quản lý dữ liệu camera giám sát phải thực hiện cơ chế phân quyền truy cập đa cấp, tách biệt hoàn toàn giữa quyền quản trị kỹ thuật hệ thống, quyền khai thác dữ liệu hình ảnh thông thường và quyền tiếp cận phân hệ đối sánh sinh trắc học.

2. Để phục vụ công tác xác minh, xử lý vi phạm pháp luật trên môi trường điện tử, hệ thống camera giám sát tập trung của tỉnh và Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh được kết nối, chia sẻ, xác thực, khai thác thông tin theo quy định của pháp luật và theo phân quyền của cơ quan có thẩm quyền. Nghiêm cấm mọi hình thức kết nối trực tiếp, can thiệp hoặc lưu trữ trái phép cơ sở dữ liệu nền tảng khi chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Để bảo đảm giá trị pháp lý và tính toàn vẹn của dữ liệu làm chứng cứ, toàn bộ dữ liệu phân tích hình ảnh (Metadata) và dữ liệu sự kiện (Event) khi trích xuất hoặc chia sẻ liên thông giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương phải được áp dụng các biện pháp xác thực kỹ thuật, ký số và ký số thời gian (Timestamp); nhật ký hệ thống (Audit trail) phải được lưu trữ độc lập, không thể ghi đè hoặc sửa đổi để phục vụ công tác kiểm toán, chống chối bỏ.

4. Toàn bộ luồng truyền tải dữ liệu hình ảnh từ thiết bị camera đầu cuối tại hiện trường về trung tâm giám sát các cấp bắt buộc phải sử dụng các giao thức mã hóa đường truyền an toàn (mã hóa TLS), thiết lập mạng diện rộng dùng riêng hoặc kênh truyền mật mã bằng thông mã hóa (VPN/IPSec). Các tài khoản vận hành được phân quyền khai thác dữ liệu sinh trắc học bắt buộc phải áp dụng cơ chế xác thực đa yếu tố (MFA).

5. Khi phát hiện sự cố an ninh mạng, mất an toàn thông tin hoặc lộ lọt dữ liệu cá nhân nhạy cảm, tổ chức hoặc cá nhân trực tiếp quản lý, vận hành thiết bị camera phát sinh sự cố phải lập tức triển khai các biện pháp kịp thời ngăn chặn hành vi xâm nhập, lập biên bản hiện trạng kỹ thuật và thông báo bằng văn bản trong vòng 72 giờ đến Công an tỉnh (Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân) và các chủ thể dữ liệu có liên quan theo quy định.

Điều 12. Quy định về thời hạn lưu trữ và tiêu hủy dữ liệu

1. Thời hạn lưu trữ dữ liệu hình ảnh camera giám sát và các dữ liệu liên quan được quy định cụ thể theo từng phân hệ kiến trúc như sau:

a) Đối với dữ liệu lưu trữ thô, liên tục (24/7): Được thực hiện phân tán tại thiết bị đầu cuối hiện trường hoặc hệ thống camera giám sát dùng riêng của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Thời hạn lưu trữ phải bảo đảm tối thiểu 30 ngày và tối đa không quá 45 ngày kể từ ngày ghi hình để phục vụ công tác tra cứu, trích xuất nghiệp vụ khi có yêu cầu.

b) Đối với dữ liệu lưu trữ tập trung (tại Trung tâm dữ liệu tỉnh): Hệ thống camera giám sát tập trung thực hiện lưu trữ liên tục luồng video trực tiếp từ các vị trí trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự, an toàn giao thông theo danh mục do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt với thời hạn tối thiểu 30 ngày.

c) Đối với dữ liệu phân tích và dữ liệu sự kiện: Hệ thống camera giám sát tập trung thực hiện lưu trữ dữ liệu phân tích hình ảnh (Metadata) và dữ liệu sự kiện (Event) được truyền tải từ các thiết bị áp dụng kiến trúc xử lý tại biên trong vòng 12 tháng kể từ ngày hệ thống tiếp nhận để phục vụ công tác thống kê, phân tích xu hướng và xây dựng chính sách.

2. Đối với các dữ liệu hình ảnh có liên quan đến các vụ việc vi phạm hành chính, hình sự hoặc các sự cố đang trong quá trình điều tra, xử lý, thời hạn lưu trữ được kéo dài cho đến khi có quyết định kết thúc vụ việc của cơ quan có thẩm quyền.

3. Hết thời hạn lưu trữ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, hệ thống thực hiện việc xóa dữ liệu theo hình thức ghi đè tự động hoặc tiêu hủy theo quy trình kỹ thuật, đảm bảo không thể phục hồi được thông tin gốc.

4. Khi thực hiện thanh lý, thay thế thiết bị camera hoặc thiết bị lưu trữ, các đơn vị phải thực hiện quy trình hủy dữ liệu vĩnh viễn trên thiết bị và có biên bản xác nhận của bộ phận kỹ thuật để đảm bảo thông tin không bị rò rỉ ra bên ngoài.

Điều 13. Quy định về lắp đặt các hệ thống camera giám sát trên địa bàn tỉnh

1. Việc triển khai, vận hành hệ thống camera giám sát phải bảo đảm các yêu cầu về chất lượng, về công nghệ, quy trình cung cấp dịch vụ; tính liên thông, kết nối, đồng bộ giữa các hệ thống camera giám sát và hệ thống camera giám sát tập trung để truy cập khi cần thiết.

2. Yêu cầu kỹ thuật và an toàn thông tin đối với thiết bị đầu tư mới hoặc nâng cấp:

a) Yêu cầu về tích hợp trí tuệ nhân tạo và tối ưu hóa hạ tầng lưu trữ, truyền dẫn:

Các thiết bị camera IP được đầu tư mới hoặc nâng cấp phải ưu tiên tích hợp năng lực xử lý trí tuệ nhân tạo trực tiếp tại hiện trường (Edge AI) hoặc thông qua các thiết bị phụ trợ trung gian phù hợp (AI Box/Edge Gateway) để tự động phân tích hình ảnh, nhận dạng, phát hiện đối tượng để chuyển đổi thành dữ liệu phân tích (Metadata) và dữ liệu sự kiện (Event) trước khi truyền tải về trung tâm.

Thiết bị tại hiện trường phải bảo đảm năng lực lưu trữ cục bộ luồng hình ảnh thô liên tục, đáp ứng thời hạn quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật hiện hành về an toàn, an ninh thông tin dữ liệu. Để tối ưu hóa hạ tầng đường truyền và năng lực lưu trữ tập trung, luồng truyền dữ liệu hình ảnh video trực tiếp về Hệ thống camera giám sát tập trung chỉ được kích hoạt khi phát sinh sự kiện hoặc khi có yêu cầu trích xuất nghiệp vụ.

b) Yêu cầu về chuẩn giao tiếp công nghệ và khả năng liên thông dữ liệu: Tất cả các thiết bị camera giám sát và phần mềm quản lý video (VMS) khi đưa vào hệ thống phải bảo đảm hỗ trợ chuẩn giao tiếp mở quốc tế ONVIF (Open Network Video Interface Forum). Thiết bị phải đáp ứng các Profile công nghệ tối thiểu phục vụ cho việc truyền tải, lưu trữ, quản lý sự kiện và phân tích dữ liệu thông minh (như Profile S, G, T, M hoặc các Profile tương đương được cập nhật mới nhất), đồng thời tuân thủ đầy đủ các tính năng bắt buộc (Mandatory) của các Profile này nhằm loại bỏ sự phụ thuộc vào các giải pháp độc quyền của từng nhà sản xuất, bảo đảm khả năng kết nối mở, tính sẵn sàng tích hợp và liên thông chia sẻ dữ liệu linh hoạt giữa các phân hệ của hệ thống.

c) Đối với các hệ thống camera xã hội hóa hoặc hệ thống hiện hữu chưa đáp ứng các tiêu chuẩn về yêu cầu kỹ thuật, thời hạn lưu trữ và an toàn thông tin, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động xây dựng lộ trình nâng cấp, thay thế thiết bị phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội hoặc thực hiện chuyển đổi kỹ thuật thông qua hệ thống mã hóa/giải mã (Encoder/Decoder), thiết bị chuyển đổi tương thích để bảo đảm khả năng chuẩn hóa cấu trúc dữ liệu và tích hợp liên thông dòng dữ liệu về hệ thống tập trung của tỉnh theo đúng quy định.

3. Khi triển khai các hệ thống camera giám sát, các đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát phải đảm bảo khả năng chia sẻ tín hiệu hình ảnh và tích hợp về hệ thống camera giám sát tập trung của tỉnh. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành lắp đặt, đơn vị quản lý phải phối hợp với đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát tập trung để triển khai các phương án kỹ thuật kết nối dữ liệu.

4. Việc lắp đặt các hệ thống camera giám sát nằm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định tại Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan.

5. Việc lắp đặt các thiết bị camera giám sát trên địa bàn tỉnh phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật sau: Vị trí và tầm quan sát: Phù hợp với mục đích giám sát, không xâm phạm đời tư cá nhân trái pháp luật và không bị trùng lắp lãng phí giữa các đơn vị; Hạ tầng kỹ thuật: Đảm bảo tiêu chuẩn về an toàn điện, phòng chống cháy nổ và thẩm mỹ đô thị; Bảo mật vật lý: Các thiết bị đầu ghi, tủ kỹ thuật phải được đặt tại vị trí an toàn, có biện pháp chống truy cập vật lý trái phép.

6. Tại các địa điểm công cộng (như công viên, quảng trường, các trục đường giao thông trọng điểm), cơ quan quản lý hệ thống camera phải thực hiện việc lắp đặt biển thông báo hoặc ký hiệu cảnh báo về việc khu vực có camera giám sát để đảm bảo quyền được biết của công dân và tính răn đe đối với các hành vi vi phạm pháp luật. Đối với khu vực trụ sở cơ quan nhà nước, trung tâm phục vụ hành chính công và các khu vực nội bộ khác, việc thông báo được thực hiện theo nội quy ra vào cơ quan hoặc các hình thức niêm yết phù hợp, không bắt buộc phải lắp đặt biển báo riêng biệt cho hệ thống camera.

Điều 14. Quy định về lắp đặt thiết bị camera nơi công cộng, cơ sở văn hóa

1. Việc lắp đặt các thiết bị camera giám sát nơi công cộng, cơ sở văn hóa phải được thực hiện bởi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc đơn vị được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đầu tư, quản lý địa điểm đó.

2. Ưu tiên sử dụng chung hạ tầng lắp đặt hệ thống camera giám sát như cột, trụ, tủ kỹ thuật tại cùng một vị trí hoặc có sự phối hợp triển khai thi công đồng bộ giữa các đơn vị nhằm đảm bảo mỹ quan đô thị.

Điều 15. Quy định về bảo trì, bảo dưỡng hệ thống camera giám sát, hệ thống camera giám sát tập trung

1. Đơn vị quản lý camera dùng riêng

Thiết lập quy trình theo dõi hệ thống camera hàng ngày và bảo trì toàn diện định kỳ tối thiểu 06 tháng/lần. Khắc phục triệt để các hư hỏng vật lý hoặc lỗi kết nối trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi phát hiện sự cố hoặc nhận thông báo từ Đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát tập trung.

2. Đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát tập trung

Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ hệ thống phần mềm quản lý, các máy chủ lưu trữ và hạ tầng mạng tại Trung tâm dữ liệu để đảm bảo hệ thống vận hành thông suốt 24/7.

Tiếp nhận thông báo sự cố từ các địa phương, phối hợp các đơn vị liên quan hỗ trợ xử lý các lỗi liên quan đến phần mềm, phân quyền truy cập và kết nối dữ liệu về trung tâm trong vòng 03 ngày làm việc.

Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức hướng dẫn các đơn vị, địa phương quy trình bảo trì, bảo dưỡng hệ thống camera giám sát trên địa bàn tỉnh.

Điều 16. Quy định về đầu tư, mua sắm các hệ thống camera giám sát trên địa bàn tỉnh

1. Đảm bảo thực hiện đúng quy định theo Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định, hướng dẫn có liên quan; lấy ý kiến thẩm định chuyên ngành của cơ quan chuyên môn khi đầu tư, mua sắm theo quy định pháp luật, đảm bảo tính đồng bộ và tương thích giữa các hệ thống camera giám sát đang triển khai trên địa bàn tỉnh.

2. Đối với các hệ thống camera giám sát phục vụ công tác quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực của các sở, ban, ngành, giám sát an ninh trật tự tại các vị trí trọng điểm trên địa bàn tỉnh, ưu tiên đề xuất, bố trí và sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển và nguồn chi thường xuyên của ngân sách tỉnh để thực hiện. Ngân sách tỉnh đảm bảo kinh phí đầu tư, mua sắm hạ tầng phần mềm, máy chủ lưu trữ, bản quyền quản lý tập trung và các chi phí vận hành, bảo trì, thuê dịch vụ công nghệ thông tin liên quan.

3. Đối với các hệ thống camera giám sát phục vụ quản lý Nhà nước tại Ủy ban nhân dân các xã, phường, ưu tiên đề xuất, bố trí và sử dụng ngân sách được phân bổ hằng năm cho địa phương hoặc huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để đầu tư, mua sắm, nâng cấp thiết bị tại hiện trường. Đối với các địa phương khó khăn về nguồn lực, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp nhu cầu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách chuyển đổi số, công nghệ thông tin của tỉnh hằng năm.

4. Đối với việc tích hợp các hệ thống camera giám sát được đầu tư, mua sắm từ nguồn vận động xã hội hóa, ưu tiên sử dụng các nguồn kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện. Khi kết nối về hệ thống tập trung, phần vận hành kỹ thuật và lưu trữ dữ liệu dùng chung do ngân sách tỉnh bảo đảm.

Điều 17. Kinh phí bảo đảm cho việc quản lý, vận hành và khai thác hệ thống camera giám sát, hệ thống camera giám sát tập trung

1. Ngân sách nhà nước bảo đảm cho việc đầu tư, vận hành hệ thống camera giám sát theo phân cấp ngân sách hiện hành. Trong đó: Ngân sách tỉnh bảo đảm kinh phí vận hành kỹ thuật hệ thống tập trung, phần mềm và lưu trữ; Ngân sách địa phương (xã, phường) bảo đảm điều kiện vận hành tại hiện trường.

2. Ngoài kinh phí do ngân sách nhà nước bảo đảm, đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát và các đơn vị liên quan được sử dụng các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện tạo lập dữ liệu, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu từ hệ thống camera giám sát tập trung.

Chương III
TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
TRONG VIỆC QUẢN LÝ, LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH, KHAI THÁC HỆ
THỐNG CAMERA GIÁM SÁT

Điều 18. Sở Khoa học và Công nghệ

1. Quản lý, vận hành hệ thống camera giám sát tập trung. Cấp phát, quản lý các tài khoản sử dụng hệ thống camera giám sát tập trung theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh. Thường xuyên và định kỳ rà soát các tài khoản truy cập vào hệ thống để kịp thời xử lý đối với các tài khoản không còn thẩm quyền sử dụng.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, cập nhật và điều chỉnh Quy chế này và các quy định liên quan đến quản lý, tích hợp, triển khai hệ thống camera giám sát tập trung.

3. Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch nâng cấp, bổ sung tính năng cho hệ thống camera giám sát tập trung.

4. Phối hợp với các đơn vị liên quan đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin và an ninh mạng, kịp thời phát hiện, ngăn chặn loại bỏ mã độc và các chương trình độc hại trên hệ thống camera giám sát tập trung. Phối hợp với các ngành khai thác hiệu quả hệ thống camera giám sát tập trung.

5. Chủ trì, tổ chức kiểm tra, theo dõi, giám sát việc tích hợp, cập nhật dữ liệu về hệ thống camera giám sát tập trung. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất, kiến nghị các hình thức khen thưởng, kỷ luật nhằm đảm bảo hiệu quả của việc triển khai, vận hành hệ thống camera giám sát tập trung.

Điều 19. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Tăng cường công tác phòng ngừa, đấu tranh và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân lợi dụng camera giám sát để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đánh giá an ninh thông tin, an toàn thông tin mạng đối với hệ thống camera giám sát dùng riêng và hệ thống camera giám sát tập trung của tỉnh trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai các biện pháp kỹ thuật bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân cho hệ thống camera giám sát trong quá trình vận hành, khai thác; Chủ trì kết nối, chia sẻ dữ liệu camera theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quy chế này.

Điều 20. Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên cho các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ quản lý, kết nối, chia sẻ, vận hành và khai thác các hệ thống Camera theo Quy chế này và theo quy định Luật Ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí đầu tư phát triển cho các nhiệm vụ, dự án đầu tư, mua sắm về hệ thống camera, hệ thống camera giám sát tập trung của tỉnh theo Quy chế này và theo quy định Luật Ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị được giao quản lý, khai thác, vận hành Hệ thống Camera giám sát dùng riêng

1. Quản lý, bảo vệ và đảm bảo điều kiện vận hành tại hiện trường cho các thiết bị thuộc phạm vi quản lý; kịp thời phát hiện và thông báo sự cố về đơn vị quản trị tập trung.

2. Chủ trì thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và sửa chữa các hư hỏng vật lý đối với hệ thống camera dùng riêng theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Quy chế này. Đảm bảo tính sẵn sàng của thiết bị tại hiện trường để không làm gián đoạn luồng dữ liệu truyền về Hệ thống camera giám sát tập trung. Chủ động cân đối ngân sách chi thường xuyên hoặc huy động các nguồn hợp pháp khác để đảm bảo duy trì hoạt động của hệ thống; đối với kinh phí đầu tư lớn, thực hiện theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

3. Phân công lãnh đạo đơn vị làm đầu mối và cán bộ kỹ thuật để phối hợp với đơn vị quản lý camera giám sát trong việc cấu hình kết nối, tích hợp dữ liệu và xử lý các lỗi liên quan đến phần mềm quản lý tập trung.

4. Cung cấp đầy đủ các tài liệu kỹ thuật, thông số cấu hình của thiết bị dùng riêng khi có sự thay đổi hoặc lắp đặt mới để phục vụ việc đồng bộ hóa dữ liệu. Thực hiện đầu tư, lắp đặt thiết bị đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình kiểm tra an ninh thông tin của Công an tỉnh theo quy định tại Điều 11, Điều 13 và Điều 19 của Quy chế này.

5. Trách nhiệm trong việc khai thác và trích xuất dữ liệu:

a) Quyết định và chịu trách nhiệm trực tiếp đối với các trường hợp thực hiện cơ chế trích xuất nhanh dữ liệu hình ảnh để xử lý vi phạm hành chính, trật tự đô thị tại cơ sở theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Quy chế này.

b) Thiết lập và quản lý nghiêm ngặt Nhật ký xử lý dữ liệu cá nhân (ghi rõ mục đích, thời gian, loại dữ liệu, người thực hiện trích xuất) đối với cả hệ thống dùng riêng và hoạt động trích xuất nhanh từ hệ thống tập trung. Đảm bảo mọi hoạt động khai thác phải được lưu vết, sẵn sàng phục vụ công tác hậu kiểm.

c) Ban hành nội quy sử dụng tại đơn vị, trong đó quy định rõ trách nhiệm cá nhân của cán bộ được giao tài khoản; tuyệt đối không để lộ lọt hình ảnh, thông tin định danh cá nhân từ hệ thống ra bên ngoài khi chưa được phép theo quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Điều 22. Trách nhiệm của các đơn vị khai thác dữ liệu hệ thống camera giám sát tập trung

1. Phân công 01 cán bộ lãnh đạo đơn vị và 01 cán bộ được giao phụ trách công nghệ thông tin làm đầu mối để phối hợp thực hiện các công việc liên quan đến tiếp nhận, quản lý và khai thác dữ liệu hệ thống camera giám sát tập trung.

2. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân chỉ sử dụng dữ liệu được chia sẻ phục vụ cho công tác quản lý Nhà nước và trong quá trình thực thi công vụ hoặc chia sẻ, cung cấp cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và quy chế này.

3. Đảm bảo an toàn bảo mật thông tin của dữ liệu trích xuất từ hệ thống camera giám sát tập trung, tuyệt đối không chia sẻ thông tin với đơn vị bên ngoài nếu không có chấp thuận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

4. Thông báo cho đơn vị quản lý hệ thống camera giám sát tập trung trong trường hợp phát hiện các vấn đề ảnh hưởng đến kết nối, chia sẻ dữ liệu, dữ liệu không chính xác, không được cập nhật kịp thời.

5. Đơn vị khai thác dữ liệu chịu trách nhiệm quản lý tài khoản được cấp và sử dụng dữ liệu đúng mục đích, phạm vi phân quyền; không chịu trách nhiệm về vận hành kỹ thuật và quản trị hạ tầng của Hệ thống Camera giám sát.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm tổ chức triển khai và thực hiện Quy chế này tại đơn vị. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ trì, tham mưu cho UBND tỉnh trong tổ chức triển khai thực hiện và đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung.

3. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm báo cáo tình hình quản lý, đầu tư xây dựng, kết nối và khai thác dữ liệu hệ thống camera giám sát thuộc phạm vi quản lý về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Nội dung báo cáo phải thể hiện rõ tình hình vận hành thực tế, số lượng camera đã kết nối, tích hợp về hệ thống tập trung, các sự cố bảo mật phát sinh và nhật ký xử lý dữ liệu cá nhân; đồng thời chủ động rà soát, đề xuất nhu cầu mở rộng, phát triển danh mục dữ liệu, các tính năng thông minh hoặc tích hợp thêm các hệ thống camera chuyên ngành nhằm phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước tại đơn vị, địa phương. Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ hằng năm được tính từ ngày 15 tháng 12 của năm trước đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo; phương thức gửi và nhận báo cáo được thực hiện bằng văn bản điện tử./.